TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/DS-PT
Ngày: 04 - 01 - 2024
V/v tranh chấp "Xác định quyền sở hữu về tài sản và đòi lại tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thơ.**

Các Thẩm phán: 1/ Ông **Huỳnh Việt Trung.**

2/ Ông **Võ Thanh Bình.**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Lê Minh Thắm** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*:** Bà **Hà Ngọc Thư Trúc** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 408/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp "Xác định quyền sở hữu về tài sản và đòi lại tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 228/2023/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 904/2023/QĐPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông **Lê Ngọc C** (Năm D), sinh năm 1959.

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người đại diện theo uỷ quyền*: Anh **Trần Đăng K**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Văn bản uỷ quyền ngày 06/11/2023) (có mặt)

2. Bị đơn:

Bà **Lê Thị Hoàng T**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người đại diện uỷ quyền:* Anh **Trần Hoài P**, sinh năm 1985. (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, Tiền Giang.

(Văn bản uỷ quyền ngày 20/02/2023)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Lê Thị Bé T1**, sinh năm 1957. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, Tiền Giang.

3.2. Ông **Phan Văn T2**, sinh năm 1963. (có mặt)

HKTT: Số A N, Phường A, Quận E, TP ..

Trú tại: Số H, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

3.3. **Ủy ban nhân dân huyện C.** (vắng mặt)

Địa chỉ: số B, Nguyễn Chí C1, khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện theo pháp luật*: Ông **Nguyễn Văn N** – Chức vụ: Chủ tịch.

- *Đại diện uỷ quyền:* Ông **Nguyễn Hoàng S** – Chức vụ: Trưởng phòng.

(Văn bản uỷ quyền ngày 07/02/2023)

3.4. **Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.**

- *Đại diện theo pháp luật*: Ông **Nguyễn Văn T3** – Chức vụ: Chi cục trưởng.

Đại diện uỷ quyền: Ông **Nguyễn Văn K1** - Chấp hành viên. (có mặt)

(Văn bản uỷ quyền ngày 10/8/2023)

4. Người kháng cáo: Bị đơn **Lê Thị Hoàng T**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

** Nguyên đơn Lê Ngọc C có đại diện theo ủy quyền là anh Trần Đăng K trình bày:*

Theo Bản án dân sự phúc thẩm số 409/DS-PT ngày 30/10/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, ông C và bà T2 có trách nhiệm trả cho ông Phan Văn T2 số tiền 123.978.000 đồng. Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật ông C thỏa thuận với ông T2 về việc thi hành án là vợ chồng ông C giao căn nhà kho ngang 6,5m dài 20m, nhà bán kiên cố, vách tường lững, nền xi măng, gỗ quy cách ½ mái totle sóng vuông, ½ mái tole xi măng tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, nhưng không có giao phần đất phía trước nhà kho cho ông T2, do ông C biết Nhà nước có chủ trương thu hồi đất này để mở rộng làm cầu M, nên ông C không giao để nhận số tiền bồi thường.

Sau khi thi hành án xong cho ông T2, ông T2 đã bán căn nhà kho cho bà Lê Thị Hoàng T vào năm 2006. Theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 10/12/2021 của Công ty cổ phần T5 - Chi nhánh T6 đo đạc phần đất có số thửa 157, tờ bản đồ số 09, diện tích 147,8m^2 (trong đó phần diện tích giải toả là 19,2m^2 hiện đang tranh chấp), diện tích còn lại của bà Lê Thị Hoàng T là 128,6m^2 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do đó, nay ông C yêu cầu Toà án xem xét giải quyết xác định phần đất phía trước nhà kho của bà T diện tích 19,2m^2 hiện đã thu hồi làm cầu M là của ông C; yêu cầu bà T có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền đã nhận bồi thường, hỗ trợ của phần đất diện tích 19,2m^2 với số tiền 145.804.800 đồng, trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn Lê Thị Hoàng T có đại diện theo ủy quyền là anh Trần Hoài P trình bày:

Vào năm 2006, bà T có nhận chuyển nhượng thửa đất có cất nhà kho sẵn tại ấp M, xã M, huyện C, Tiền Giang từ ông Phan Văn T2 (Tú A) có giấy tờ sang nhượng đất được UBND xã M chứng thực. Phần đất này trước đây do ông C nợ tiền của ông T2 không có khả năng trả, nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đã thi hành giao toàn bộ tài sản nhà và đất cho ông T2, Biên bản giao tài sản ngày 15/4/2004 nội dung buộc ông C và vợ giao nộp toàn bộ giấy tờ có liên quan đến tài sản trên để thi hành án, diện tích đất 162,5m^2, ngang 6,5m dài 20m và trên đất có căn nhà kho. Vợ chồng ông C đã tự nguyện giao nộp tài sản không có thoả thuận gì khác, kể từ đó toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của ông T2, nên ông T2 sang nhượng lại cho bà T toàn bộ nhà kho và đất này. Do Nhà nước có chủ trương mở rộng làm cầu M nên đã đo đạc giải toả phần đất phía trước nhà của bà T diện tích 19,2m^2, lập danh sách phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho bà T tổng cộng số tiền 145.804.800 đồng, đến ngày 05/01/2023 thì Ban quản lý dự án mời bà T lên nhận toàn bộ số tiền này, nếu như ông C cho rằng đất của ông thì Nhà nước đã tạm ngưng không cho bà T nhận số tiền này.

Do đó, nay bà T không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C về việc xác định phần đất 19,2m^2 đã bị giải toả làm cầu là của ông C; bà T không đồng ý hoàn trả lại số tiền bồi thường, hỗ trợ 145.804.800 đồng cho ông C.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Văn T2 trình bày:

Ông C nợ ông T2 số tiền 123.978.000 đồng do không có tiền trả nợ nên vợ chồng ông C thoả thuận với ông T2 để cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè giao căn nhà kho ngang 6,5m dài 20m để cấn trừ số nợ trên, trong đó có phần đất phía trước nhà kho, mặc dù phần phía trước là đất công nhưng ông T2 quản lý sử dụng, trên giấy tờ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè thì không có giao phần đất này. Vào năm 2006, ông T2 bán lại cho bà T toàn bộ đất và nhà, hai bên giao tiền và tài sản xong. Ông T2 xác định bà T nhận số tiền bồi thường là hợp lý hơn.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Thị Bé T1 trình bày:

Bà Lê Thị Bé T1 là vợ của ông Lê Ngọc C, bà T1 thống nhất với toàn bộ ý kiến và yêu cầu của ông C về việc yêu cầu bà T hoàn trả lại số tiền cho ông C là 145.804.800 đồng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện C trình bày:

Qua rà soát, kiểm tra cơ sở dữ liệu và bản đồ địa chính thể hiện thửa đất số 157, tờ bản đồ số 09, diện tích 147,8m^2 toạ lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang của bà Lê Thị Hoàng T không thể hiện trên tờ bản đồ số 09 tỷ lệ 1/500 và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất nhà kho do bà T sử dụng từ năm 2006 đến nay.

Khi làm thủ tục phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích 19,2m^2 để thu hồi mở rộng một số cầu trên Quốc lộ A, hạng mục cầu M đã lập danh sách phê duyệt bồi thường cho bà Lê Thị Hoàng T và đến nay đã chi bồi thường xong với số tiền bồi thường là 145.804.800 đồng (trong đó đất đai 130.252.800 đồng, trợ cấp 15.552.000 đồng).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè trình bày:

Do ông C nợ tiền của ông T1 theo Bản án số 156/DSST ngày 25/7/2003 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, được Chi cục thụ lý ban hành Quyết định số 139/QĐ.THA ngày 03/12/2003. Quá trình thi hành án ông C và bà T1 tự nguyện thoả thuận với ông T1 giao tài sản là căn nhà để khấu trừ số tiền phải thi hành án, nên ngày 12/5/2004 Chấp hành viên kết hợp cùng chính quyền địa phương chứng kiến ông C và bà T1 giao cho ông T1 căn nhà kho tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, căn nhà kho có cấu trúc chiều ngang 6,5m dài 20m ngang đầu cầu M loại nhà bán kiên cố, vách tường lững, nền xi măng, gỗ quy cách, phân nữa mái tol sống vuông, phân nữa mái tol xi măng có tứ cận: Hướng Đông giáp Quốc lộ A, hướng Tây giáp bà V, hướng Nam giáp đất Sáu Cao, hướng Bắc giáp nhà kho UBND xã M. Chấp hành viên chỉ giao nhận căn nhà kho, không có giao phần đất phía trước nhà kho diện tích 19,2m^2 cho ông T1 vì phần đất này là đất công cộng, do phần đất này ngay cầu Mỹ Đức T4 không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 228/2023/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào các Điều 105, 107, 221, 166 Bộ luật Dân sự; Điều 227, 228, 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc C.

Xác định phần đất diện tích 19,2m^2 phía trước căn nhà kho của bà Lê Thị Hoàng T trong thửa đất số 157, tờ bản đồ số 09, diện tích 147,8m^2 toạ lạc tại ấp M, xã M, huyện C, Tiền Giang, hiện Nhà nước đã thu hồi để làm cầu M là đất của ông Lê Ngọc C.

Buộc bà Lê Thị Hoàng T có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền bồi thường đã nhận đối với phần diện tích đất đã thu hồi 19,2m^2 cho ông Lê Ngọc C trong đó tiền bồi thường đất đai 130.252.800 đồng và trợ cấp 15.552.000 đồng. Tổng cộng 145.804.800 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm lẽ bốn ngàn tám trăm đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần nghĩa vụ chậm thi hành án, phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định của pháp luật.

- Ngày 26 tháng 9 năm 2023, bị đơn Lê Thị Hoàng T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, bị đơn chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của các bị đơn. Hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[2] . Về nội dung kháng cáo xét thấy:

Ông C cho rằng vào năm 2004 vợ chồng ông có giao căn nhà kho diện tích ngang 6,5m dài 20 m, nhà bán kiên cố cho ông Phan Văn T2 để cấn trừ số tiền 123.978.000 đồng theo Bản án số 409/DS-PT ngày 30/10/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Khi giao căn nhà kho trừ nợ thì ông không có giao phần đất phía trước nhà kho vì ông biết Nhà nước có chủ trương thu hồi đất này để mở rộng làm cầu M, ông không giao để nhận tiền bồi thường. Đến năm 2006 thì ông Phan Văn T2 bán lại toàn bộ nhà và đất này cho bà Lê Thị Hoàng T và bà T quản lý phần đất này từ đó đến nay. Nay ông C yêu cầu Tòa án xác định phần đất phía trước nhà kho của bà T diện tích 19,2m^2 hiện đã thu hồi làm cầu M là của ông C; yêu cầu bà T có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền đã nhận bồi thường, hỗ trợ của phần đất diện tích 19,2m^2 với số tiền 145.804.800 đồng. Còn bà T thì không đồng ý theo yêu cầu của ông C. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn xác định phần đất diện tích 19,2m^2 phía trước căn nhà kho của bà Lê Thị Hoàng T là đất của ông Lê Ngọc C. Buộc bà Lê Thị Hoàng T có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền bồi thường đã nhận đối với phần diện tích đất đã thu hồi 19,2m^2 cho ông Lê Ngọc C trong đó tiền bồi thường đất đai 130.252.800 đồng và trợ cấp 15.552.000 đồng. Tổng cộng 145.804.800 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà T không đồng ý và có yêu kháng cáo toàn bộ Bản án.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà T, hội đồng xét xử nhận thấy: Theo hồ sơ Chi cục thi hành án dân sự huyện C cung cấp, thể hiện: Ngày 12/5/2004 Cơ quan Thi hành án dân sự huyện C có lập biên bản về việc giao tài sản thi hành án, với nội dung: "*Căn cứ vào bản án dân sự phúc thẩm số 409/DS-PT ngày 30/10/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thì ông Phan Văn T2 cùng với vợ chồng Lê Ngọc C và Lê Thị Bé T1 thỏa thuận như sau: vợ chồng Lê Ngọc C và Lê Thị Bé T1 đồng ý giao cho Phan Văn T2 01 căn nhà kho toạ lạc tại ấp M, xã M, huyện C, Tiền Giang. Có cấu trúc như sau: nhà kho chiều ngang 6,5m dài 20m, ngay đầu cầu M. Nhà loại bán kiên cố, vách tường lững, nền xi măng, gỗ quy cách, phân nữa mái tol sống vuông, phân nữa mái tol xi măng có tứ cận: Hướng đông giáp quốc lộ A, hướng tây giáp bà V, hướng Nam giáp đất Sáu Cao, hướng bắc giáp nhà kho UBND xã M. Ông Lê Ngọc C có giao lại cho Phan Văn T2 các loại giấy tờ như sau: 01 giấy bán đất ngày 19/7/1993, do đ/c Phan Ngọc Ẩ – Phó chủ tịch ký xác nhận; 01 biên bản nghiệm thu hoàn thành xây dựng nhà kho; 01 biên bản về việc trao đổi diện tích mặt bằng đất xây dựng nhà kho. Vợ chồng ông C giao cho ông T2 nhà kho đã nêu trên để trừ vào số tiền 123.978.000 đồng theo bản án. Ông T2 và ông C thỏa thuận giao tài sản coi như thi hành xong bản án trên. Kể từ hôm nay ông T2 được toàn quyền sử dụng và sở hữu nhà kho trên. Ông T2 được đến Ủy ban nhân dân xã M xác nhận quyền sử dụng và sở hữu nhà kho. Căn nhà trên không được cấp giấy chủ quyền vì căn nhà nằm trong khu vực cầu, chỉ sử dụng giấy xác nhận của UBND xã, Cơ quan thi hành án không cấp thủ tục làm chủ quyền đỏ. Kết thúc biên bản vợ chồng ông C, bà T2 và ông Phan Văn T2 có ký tên*". Như vậy, khi giao căn nhà kho và phần đất này cho ông Phan Văn T2 thì ông C cũng đã giao tất cả các loại giấy tờ liên quan đến nguồn gốc phần đất này cho ông T2 sử dụng. Trong biên bản giao tài sản thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C cũng đã thể hiện rỏ nhà kho có tứ cận tiếp giáp với các phần đất khác, không có phần đất nào của ông Lê Ngọc C tiếp giáp với căn nhà kho này. Hơn nữa, khi đó phần đất này cũng đã thể hiện rỏ là đất không được cấp giấy chủ quyền vì nằm trong khu vực cầu M. Ông C cũng không có đề cập gì đến phần đất phía trước nhà kho 19,2 m^2. Sau khi giao căn nhà kho để cấn trừ nợ thì đến năm 2006 ông Phan Văn T2 bán lại toàn bộ nhà và đất này cho bà Lê Thị Hoàng T. Đến năm 2021, nhà nước có dự án mở rộng một số cầu trên Quốc lộ A, trong đó có hạng mục cầu M. Qua khảo sát thì phần đất của bà T bị thu hồi để mở rộng cầu là 19,2 m^2 Ủy ban nhân dân huyện C đã khảo sát và lập danh sách phê duyệt bồi thường cho bà T với số tiền tổng cộng 145.804.800 đồng (trong đó đất đai là 130.252.800 đồng, trợ cấp 15.552.000 đồng). Việc bà T sử dụng phần đất này từ năm 2006 đến nay liên tục, ổn định và được Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường số tiền 145.804.800 đồng là phù hợp với qui định của

pháp luật nên yêu cầu kháng cáo của bà T là có cơ sở. Ông C cho rằng phần đất 19,2 m^2 này là của ông, nhưng ông không có chứng cứ gì chứng minh. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông C là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Hoàng T,không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc C, sửa Bản án sơ thẩm.

[3]. Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án.

[4] Án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Hoàng T.

Sửa Bản án số 228/2023/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào các Điều 105, 107, 221, 166 Bộ luật Dân sự; Điều 227, 228, 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc C về việc xác định phần đất diện tích 19,2m^2 phía trước căn nhà kho của bà Lê Thị Hoàng T trong thửa đất số 157, tờ bản đồ số 09, diện tích 147,8m^2 toạ lạc tại ấp M, xã M, huyện C, Tiền Giang, hiện Nhà nước đã thu hồi để làm cầu M là đất của ông Lê Ngọc C.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc C về việc đòi bà Lê Thị Hoàng T có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền bồi thường đã nhận đối với phần diện tích đất đã thu hồi 19,2m^2 cho ông Lê Ngọc C trong đó tiền bồi thường đất đai 130.252.800 đồng và trợ cấp 15.552.000 đồng. Tổng cộng 145.804.800 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm lẽ bốn ngàn tám trăm đồng).

3/ Về án phí:

Do ông Lê Ngọc C là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và được Toà án chấp nhận, nên không có hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông C.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Ngọc C.

Bà Lê Thị Hoàng T không phải chịu án phí sơ thẩm và không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà T 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0012838 ngày 26/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

6/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND H. C;
- CCTHADS H. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn (Thắm)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thơ